



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 183 + 184

Ngày 01 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

02-5-2026	Quyết định số 24/2026/QĐ-CTUBND phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	03
08-5-2026	Quyết định số 25/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	06

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

06-3-2026	Quyết định số 1309/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.	20
-----------	---	----

06-3-2026	Quyết định số 1310/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.	24
09-3-2026	Quyết định số 1357/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	36
09-3-2026	Quyết định số 1358/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.	40
09-3-2026	Quyết định số 1359/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	43
05-5-2026	Chỉ thị số 45/CT-UBND về việc khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm nhằm triển khai Kết luận số 18-KL/TW và Kết luận số 27-KL/TW, bảo đảm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2026.	67
18-5-2026	Chỉ thị số 46/CT-UBND về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (2025 - 2030).	79

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2026/QĐ-CTUBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản
là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 8486/TTr-STC ngày 07 tháng 4 năm 2026; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 573/BC-STP ngày 19 tháng 01 năm 2026 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3396/STP-VB ngày 02 tháng 4 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người được giao thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung phân cấp

Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định tịch thu.
2. Các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định tịch thu.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc phường, xã, đặc khu ra quyết định tịch thu.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với tài sản đã lập phương án xử lý trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa được phê duyệt phương án xử lý thì việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được thực hiện theo nội dung phân cấp quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú
và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 64/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 219/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an Thành phố tại Tờ trình số 1706/TTr-CATP ngày 24 tháng 3 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1095/BC-STP ngày 30 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú và hoạt động trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động
của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp thực hiện giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu (Ủy ban nhân dân cấp xã) trong công tác quản lý nhà nước đối với việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 64/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, chỉ đạo của Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động trên địa bàn Thành phố.

2. Nội dung phối hợp liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan phải đảm bảo chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời phát hiện xử lý những hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất, không chồng chéo, theo nguyên tắc Công an Thành phố chủ trì quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá

cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố; các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố, không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan liên quan.

4. Mọi thông tin, tài liệu trao đổi và nội dung phối hợp phải tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định bảo mật của từng ngành.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài đến cư trú và làm việc trên địa bàn Thành phố theo lĩnh vực, phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

2. Phối hợp trao đổi thông tin liên quan về người nước ngoài để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm của người nước ngoài kịp thời, nhanh chóng và đúng quy định pháp luật, bao gồm: thông tin cấp thị thực, thẻ tạm trú, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép lao động, giấy phép hành nghề cho người nước ngoài; phối hợp trong công tác giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

3. Phối hợp trong công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

4. Phối hợp trong nắm tình hình, quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài, công tác thống kê số liệu, báo cáo tình hình liên quan đến người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn Thành phố theo đề nghị của cấp trên.

5. Phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công.

Điều 5. Hình thức phối hợp, trao đổi thông tin

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản, thư điện tử theo yêu cầu

của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và nội dung thông tin cần cung cấp, trao đổi.

2. Thông qua cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất, hội nghị sơ kết, tổng kết; thông qua công tác kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành và theo quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Đối với các yêu cầu phối hợp đột xuất, để đảm bảo kịp thời công tác, lãnh đạo cấp sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể trao đổi trực tiếp thông qua gặp gỡ, điện thoại nhưng sau đó phải thực hiện bằng văn bản.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 6. Trách nhiệm của Công an Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của người nước ngoài, của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh, cư trú, hoạt động tại Thành phố; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan người nước ngoài tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Công an kiến nghị đề xuất Chính phủ xây dựng, sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu, bất cập, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nước ngoài tại Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài đến Thành phố du lịch, làm việc, kinh doanh, đầu tư... Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền việc cấp đổi, hủy bỏ các giấy tờ có liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài; đồng thời, lồng ghép xây dựng sơ đồ hóa việc quản lý người nước ngoài cư trú và hoạt động theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể để thuận lợi cho việc theo dõi, quản lý chặt chẽ các hoạt động của người nước ngoài tại Thành phố.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội liên quan đến người nước ngoài.

3. Chỉ đạo các lực lượng của Công an Thành phố tăng cường nắm tình hình, chủ

động triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác do người nước ngoài thực hiện; điều tra, xử lý nhanh các vụ án có đối tượng vi phạm pháp luật là người nước ngoài.

4. Chỉ đạo Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của Thành phố liên quan trong việc cấp đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, giấy phép lao động, hành nghề luật sư, y tế, giáo dục.... Kiểm tra, xác minh tư cách pháp nhân, năng lực hoạt động thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thường xuyên bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, cư trú, hoạt động tại Thành phố, kịp thời phát hiện chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp lợi dụng tư cách pháp nhân để bảo lãnh không đúng thực tế hoặc hợp thức hóa hồ sơ cho người nước ngoài nhập cảnh, cư trú trái quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ đội Biên phòng Thành phố trong công tác trao đổi thông tin, số liệu về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, làm việc, hoạt động của tổ chức, cá nhân người nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố.

5. Chỉ đạo Công an cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện nghiêm các quy định về quản lý nhà nước có liên quan đến người nước ngoài theo thẩm quyền; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an trong công tác quản lý cư trú, hoạt động, xử lý người nước ngoài vi phạm theo quy định pháp luật; phối hợp đưa người nước ngoài sống lang thang, không giấy tờ tùy thân vào Trung tâm hỗ trợ xã hội để lưu giữ trong thời gian chờ các cơ quan chức năng xử lý.

6. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng các tiêu chí để thẩm định yếu tố an ninh quốc gia tại các địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, kiểm tra, quản lý các tổ chức, cá nhân liên quan người nước ngoài có đăng ký, sử dụng nhiều đường truyền Internet tốc độ cao, lưu lượng lớn để kịp thời phát hiện, xử lý hoạt động vi phạm pháp luật theo quy định.

7. Nghiên cứu đề xuất triển khai các đề án, dự án về trang bị phương tiện, thiết bị hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào công tác quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc

trên địa bàn Thành phố; trao đổi thông tin về việc cấp, thu hồi giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động người nước ngoài cho Công an Thành phố theo định kỳ hàng tháng.

2. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tăng cường kiểm tra các tổ chức, cá nhân về việc tuyển và sử dụng lao động người nước ngoài, kiên quyết xử lý các trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động người nước ngoài vi phạm quy định về lao động.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, chủ đầu tư, nhà thầu trên địa bàn Thành phố.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

1. Là đầu mối liên hệ trong công tác giải quyết các vụ việc liên quan đến người nước ngoài giữa các cơ quan chức năng Thành phố với Cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam/Cơ quan lãnh sự tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài trong trường hợp nước đó không có cơ quan đại diện tại Việt Nam; phối hợp các sở, ban, ngành giải quyết những vấn đề phức tạp, phát sinh trong xử lý người nước ngoài vi phạm pháp luật; kịp thời trao đổi với Công an Thành phố các trường hợp nghi vấn liên quan an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Thông báo và làm việc với các Cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam/Cơ quan lãnh sự tại Thành phố Hồ Chí Minh về xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật, những quy định của pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài để các cơ quan này thông báo cho công dân của họ thực hiện đúng quy định của pháp luật khi đến Việt Nam.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, lưu trú thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Luật Du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh lưu trú thực hiện nghiêm việc khai báo tạm trú cho khách du lịch là người nước ngoài theo quy định của pháp luật, khuyến khích, hướng các cơ

sở lưu trú thực hiện khai báo tạm trú qua mạng Internet.

3. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm phối hợp với Công an Thành phố (qua Phòng Quản lý xuất nhập cảnh) thống kê số liệu khách du lịch là người nước ngoài nhập cảnh Thành phố mục đích du lịch nhằm tăng cường, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về du lịch và công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn Thành phố.

4. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý hành chính theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú, các văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài do Sở Du lịch cấp phép có các hoạt động vi phạm.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Thực hiện vai trò Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố trong tham mưu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại Thành phố.

2. Phối hợp góp ý, thẩm định các văn bản pháp luật theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc quản lý các cơ sở y tế có người nước ngoài hành nghề y, được trên địa bàn Thành phố theo pháp luật hiện hành. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thủ tục, điều kiện khi người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu, làm việc tại các cơ sở y tế; thường xuyên rà soát việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, cấp giấy phép hoạt động đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, hành nghề được có sử dụng người nước ngoài.

2. Chủ trì, phối hợp Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do người nước ngoài đầu tư nhưng che giấu tư cách nhà đầu tư thông qua hình thức nhờ người Việt Nam đứng tên đăng ký kinh doanh; người nước ngoài hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, hành nghề được nhưng không có chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh được theo quy định.

3. Định kỳ hàng quý, cung cấp thông tin, danh sách các cơ sở y tế được cấp mới, gia hạn, giải thể có người nước ngoài làm việc cho Công an Thành phố để phối hợp

quản lý.

4. Phối hợp Công an Thành phố, Sở Ngoại vụ trong việc tiếp nhận, xử lý các trường hợp người nước ngoài không giấy tờ tùy thân, sống lang thang, xin ăn trên địa bàn Thành phố.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp Công an Thành phố và các sở, ngành liên quan:

Tăng cường công tác hậu kiểm quản lý sau cấp phép đối với các công ty, doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn Thành phố, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp thành lập công ty, doanh nghiệp nhưng thực tế không hoạt động, chỉ hợp thức hóa để làm thủ tục bảo lãnh cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú cho người nước ngoài và các vi phạm khác thuộc lĩnh vực phụ trách theo quy định.

Góp ý về các nội dung liên quan đến việc xác định tiêu chí, cơ chế đánh giá, thẩm định các yếu tố an ninh, quốc phòng trong quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư; cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các văn bản có giá trị pháp lý tương đương đối với dự án cấp mới, điều chỉnh và xem xét, chấp thuận đối với hoạt động đầu tư thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra giám sát nhằm ngăn chặn các hoạt động của người nước ngoài đầu tư không đúng quy định của pháp luật, hoạt động không đúng ngành, nghề đã đăng ký kinh doanh hoặc thông qua cá nhân, tổ chức của Việt Nam để đầu tư vào các lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng đối với an ninh, quốc phòng.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Phối hợp với Công an Thành phố và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam không tách bạch trong tổ chức và hoạt động; có dấu hiệu cấu kết, tham gia, chi phối hoạt động lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực; hoạt động không đúng nội dung được cấp phép; thực hiện hoạt động kinh doanh sinh lợi trực tiếp, trái phép, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình an ninh trật tự, an ninh kinh tế.

2. Tăng cường hậu kiểm đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài sau khi được cấp phép, kịp thời phát hiện vi phạm để xử lý theo thẩm quyền; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng tổ chức kiểm tra,

xử lý đối với các doanh nghiệp, Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân có yếu tố nước ngoài hoạt động kinh doanh ngoài nội dung của giấy phép liên quan đến nhiều lĩnh vực ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an ninh kinh tế.

3. Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin tình hình hoạt động và danh sách Văn phòng đại diện, Chi nhánh thương nhân nước ngoài được cấp mới, điều chỉnh, gia hạn giấy phép, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động đến Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định về điều kiện năng lực hoạt động của các nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng.

2. Tăng cường hậu kiểm đối với các nhà thầu nước ngoài sau khi được cấp phép, kịp thời phát hiện vi phạm để xử lý theo chức năng.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, cung cấp thông tin các tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, kết thúc hợp đồng, chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành cho các cơ quan để phối hợp quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về việc mời, bảo lãnh người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu, làm việc tại các cơ sở giáo dục; phối hợp Công an Thành phố thường xuyên theo dõi, kiểm tra các Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục có người nước ngoài làm việc; có biện pháp quản lý không để người nước ngoài không có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm hoặc không được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp phép theo quy định tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

2. Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin, danh sách các cơ sở giáo dục được cấp mới, gia hạn, giải thể có người nước ngoài làm việc cho các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về việc mời, bảo lãnh người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu, làm việc tại Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; thường xuyên theo dõi, kiểm tra các cơ sở văn hóa,

thể thao có người nước ngoài làm việc, các Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố.

2. Thường xuyên rà soát việc cấp giấy phép liên quan đến thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước; định kỳ hàng quý trao đổi thông tin cho Công an Thành phố phối hợp quản lý.

3. Chỉ đạo các cơ quan báo, đài Thành phố phối hợp Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, của người nước ngoài tại Việt Nam; phối hợp thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân Thành phố nâng cao ý thức cảnh giác với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức nước ngoài và kịp thời tố giác tội phạm cho các cơ quan Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định, chính sách về quản trị, chia sẻ, khai thác và bảo mật dữ liệu số liên quan người nước ngoài của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã (đơn vị chủ quản dữ liệu).

2. Chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ quản dữ liệu và Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ quản dữ liệu và Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố hướng dẫn các cơ quan, đơn vị khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý người nước ngoài và giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình khai thác, chia sẻ dữ liệu.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Thành phố

1. Giao Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chủ trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại cửa khẩu cảng biển Thành phố theo quy định của pháp luật; phát hiện, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển Thành phố; phối hợp các sở, ban, ngành liên quan xử lý khi có tình hình phức tạp liên quan người nước ngoài; tham mưu Bộ Tư lệnh Thành phố phối hợp

Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng các tiêu chí để thẩm định yếu tố an ninh quốc gia tại các địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng.

2. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự các tỉnh giáp ranh, các tỉnh tuyến biên giới để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề đảm bảo an ninh trật tự địa phương, nắm tình hình trao đổi cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm xuất, nhập cảnh.

3. Phối hợp với Sở Tài chính tiến hành thẩm định, đánh giá chi tiết các vị trí chiến lược có liên quan đến an ninh, quốc phòng trước khi tiến hành cấp phép đầu tư cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

4. Phối hợp với Công an Thành phố trong quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động tại khu vực biên giới biển; phối hợp xử lý các vụ việc, áp giải đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam tại địa bàn do lực lượng biên phòng quản lý bị trục xuất qua cửa khẩu khác ngoài cửa khẩu cảng biển.

5. Định kỳ hàng quý và đột xuất trao đổi cho Công an Thành phố thông tin về tình hình nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài trong khu vực cửa khẩu cảng biển Thành phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao

1. Thực hiện cấp mới, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trong các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao theo quy định; định kỳ 6 tháng, trao đổi thông tin về danh sách các dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp mới, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động dự án và danh sách cấp giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài cho Công an Thành phố và Công an địa phương có Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trú đóng để phối hợp quản lý.

2. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý cụ thể theo đề nghị của Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp quản lý phù hợp với quy định của pháp luật về thuế.

3. Phối hợp với Công an Thành phố thường xuyên kiểm tra việc khai báo tạm trú

và việc thực hiện các quy định pháp luật về xuất nhập cảnh của người nước ngoài đang làm việc trong các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp công nghệ cao.

Điều 20. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ở địa phương. Nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ từ Thành phố đến xã, phường, đặc khu.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an trong công tác quản lý cư trú, hoạt động và xử lý người nước ngoài vi phạm theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân địa phương nâng cao tinh thần cảnh giác với các hành vi hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội của người nước ngoài.

Điều 21. Đề nghị Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc diện chấp hành nghĩa vụ thuế trên địa bàn Thành phố.

2. Định kỳ hàng quý trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý cho Công an Thành phố và các sở, ban, ngành liên quan để phối hợp quản lý.

Điều 22. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân Thành phố

1. Trao đổi thông tin, phối hợp bằng văn bản hoặc trực tiếp trao đổi giữa lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan khi tiến hành hoạt động kiểm sát, điều tra, thực hành quyền công tố và xét xử đối với các vụ án có liên quan đến người nước ngoài. Tăng cường phối hợp với Công an Thành phố, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Văn phòng Interpol Việt Nam trong công tác phiên dịch tố tụng, xác minh lý lịch tư pháp, giải quyết việc thăm gặp của thân nhân, nhân viên cơ quan ngoại giao nước ngoài đối với bị can, bị cáo là người nước ngoài.

2. Phối hợp với các cơ quan tố tụng của Thành phố xử lý, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh và đúng pháp luật đối với các vụ án có liên quan đến

người nước ngoài phạm tội trên địa bàn Thành phố.

3. Thông qua công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát, xét xử để tuyên truyền phổ biến các chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với bị can, bị cáo là người nước ngoài.

4. Thông qua công tác kiểm sát, xét xử, tổng hợp nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật, tội phạm để kiến nghị, phòng ngừa đối với các vi phạm pháp luật có yếu tố nước ngoài và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giao Công an Thành phố chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chế độ báo cáo: khi có yêu cầu, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã được phân công trong Quy chế này có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Công an Thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị trao đổi Công an Thành phố để thống nhất với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1309/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực
Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6647/TTr-SXD-VP ngày 02 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 nhập khẩu	01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Xây dựng (Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng) nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh (hoặc nơi đặt văn phòng đại diện, chi nhánh, nhà máy sản xuất); nơi có cửa khẩu được doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa; nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa.	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18/6/2025. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN16:2023/BXD.- Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.- Quyết định số 251/QĐ-BXD ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1310/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6573/TTr-SXD-VP ngày 27 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự A.18, A.19, A.45, A.46 tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

- Thứ tự 1, 2, 3 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục lĩnh vực Nhà ở; Đường bộ; Đường sắt; Hàng hải và đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
VÀ BỊ BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Đối với quốc lộ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Xây dựng chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Không có	- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐBXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>
2.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Đối với quốc lộ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Xây dựng thực hiện việc cấp phép thi công đầu nối vào đường quốc lộ	Không có	<p>- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3.	Cấp giấy phép thi công công trình trên bộ đường đang khai thác	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Xây dựng	Không có	- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>
4.	<p>Công bố đưa bến xe khách vào khai thác</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.</p> <p>- Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.</p> <p>+ Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã.</p>	<p>Sở Xây dựng</p>	<p>Không có</p>	<p>- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.				ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô. - Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.	Công bố lại bến xe khách	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Xây dựng	Không có	- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>- Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.</p>				<p>tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.</p> <p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
6.	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Xây dựng	Không có	- Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô. - Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC	Quyết định đã công bố Danh mục TTHC
1	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	<p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TTBGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (thứ tự A.46 Phụ lục XIII)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1357/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN ĐẦU
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4504/TTr-SNNMT-VP ngày 26 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **03** thủ tục hành chính lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Bãi bỏ các nội dung công bố thủ tục tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN
DẦU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; - Quyết định số 518/QĐ-BQP ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m ³ đến	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; - Quyết định số 518/QĐ-BQP ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT					Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m ³)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; - Quyết định số 518/QĐ-BQP ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1358/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2456/TTr-SVHTT ngày 02 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC
PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.014861	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo; - Quyết định số 304/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1359/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4221/TTr-SNNMT-VP ngày 13 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **36** thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố các thủ tục tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điều 13, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới;	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh					ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Trung tâm phục vụ hành chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	đủ hồ sơ theo quy định.	công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	trường		của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 7, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 7, Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 26 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh					Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	định	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.			trường ngày 11/12/2025. - Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 4 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 4, 6 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh					một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điều 7 và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	theo quy định.	phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.			lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điều 22, Điều 23 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1; điểm c khoản 2; điểm b khoản 4; điểm c khoản 7 Điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 ; - Khoản 1; điểm b khoản 2; khoản 4 Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 ; - Khoản 1; khoản 3; điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 - Điều 7, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	Thẩm định, phê duyệt phương án	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Trung tâm phục vụ hành chính	Sở Nông nghiệp và Môi	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 ; - Khoản 1; khoản 2;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	đủ hồ sơ theo quy định.	công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	trường		điểm c khoản 4; điểm c, d khoản 5 - Điều 26, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điều 14 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tịch UBND cấp xã.					và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến,	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 1/12/2025; - Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.					<p>phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
5	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025.</p> <p>- Khoản 7 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025.</p> <p>- Khoản 6, 7 Điều 15;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.		chính công cấp xã.			Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 23; khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Khoản 1, 3, 4 Điều 26, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện	05 ngày làm việc, kể từ ngày	- Trung tâm phục vụ hành chính công	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.			đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. 	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao,	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. 	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.					25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Khoản 4, 6 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.	sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.			vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điều 7, Điều 9 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quyền của UBND cấp xã		chính công cấp xã.			- Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025. - Điểm c khoản 7 Điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tịch UBND cấp xã		cấp xã.			<p>12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</p> <p>- Khoản 2 Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
18	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025.</p> <p>- Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;</p> <p>- Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2026

CHỈ THỊ

Về việc khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm nhằm triển khai Kết luận số 18-KL/TW và Kết luận số 27-KL/TW, bảo đảm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2026

Triển khai kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố ngày 27 tháng 4 năm 2026 và các chủ trương lớn của Trung ương, đặc biệt là Kết luận 18-KL/TW¹, Kết luận số 27-KL/TW²; nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm như sau:

1. Về điều hành tài chính - ngân sách

1.1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố

- Phần đầu thu ngân sách năm 2026 đạt 1.000.000 tỷ đồng; đến hết Quý II/2026 phần đầu thu đạt trên 500.000 tỷ đồng.

- Tập trung rà soát, đẩy nhanh công tác đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định, phê duyệt giá đất; đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất kịp thời theo đúng quy định.

- Quyết liệt thu hồi nợ thuế, nhất là các khoản nợ lớn, kéo dài; áp dụng hiệu quả các biện pháp cưỡng chế theo đúng quy định.

- Tăng cường chống thất thu, trọng tâm là quản lý hóa đơn điện tử, hoàn thuế,

¹ ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng "02 con số".

² ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ban Bí thư về tình hình chủ yếu các địa phương Quý I, phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2026.

thương mại điện tử, nền tảng số và chuyển nhượng bất động sản.

- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra; kiểm soát chặt kê khai doanh thu, chi phí, giao dịch liên kết, chuyên giá; xử lý nghiêm hành vi gian lận, trốn thuế.

a) Giao Thuế Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương tham mưu giao chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước đến từng đơn vị, địa phương; xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thu, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu theo tiến độ từng quý. Theo dõi, đánh giá tình hình thu hằng tháng; kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp, biện pháp điều hành phù hợp.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch được giao, phải tổ chức kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

1.2. Về quản lý chi ngân sách địa phương

- Thực hiện tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên, phân đầu tiết kiệm thêm 5% so với dự toán Hội đồng nhân dân Thành phố giao; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển lớn hơn 50% tổng chi ngân sách địa phương.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng dự phòng ngân sách, chỉ sử dụng cho các nhiệm vụ thực sự cấp bách.

a) Giao Sở Tài chính chủ trì rà soát tổng thể cơ cấu chi ngân sách Thành phố giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu phương án tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, phân đầu giữ dưới 50% tổng chi, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển tiệm cận 70%; tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng ngân sách dự phòng và bổ sung ngân sách, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, hạn chế tối đa phát sinh ngoài dự toán và không để ảnh hưởng đến cân đối ngân sách.

b) Giao các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thật sự cần thiết, chưa cấp bách; hạn chế phát sinh nhiệm vụ chi ngoài dự toán; không tham mưu, đề xuất bổ sung kinh phí đối với nhiệm vụ không thật sự cấp thiết.

c) Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố rà soát, tham mưu quản lý chặt chẽ các đoàn đi nước ngoài sử dụng ngân sách nhà nước. Chỉ xem xét cử đoàn khi thật sự cần thiết, bảo

đảm có kế hoạch đoàn ra, mục đích chuyên đi, thành phần, kinh phí theo đúng quy định và có sản phẩm đầu ra cụ thể, phục vụ trực tiếp nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, đối ngoại, phát triển kinh tế - xã hội hoặc nhiệm vụ chính trị quan trọng của Thành phố. Mỗi cơ quan, đơn vị tổ chức tối đa 02 đoàn ra/năm; trường hợp đặc thù phải báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến.

2. Triển khai kế hoạch đầu tư công và huy động nguồn lực

2.1. Tinh gọn danh mục đầu tư công: rà soát toàn bộ, cắt giảm tối thiểu 30% số dự án trong danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 so với giai đoạn 2021 - 2025; chỉ giữ lại các dự án trọng tâm, trọng điểm thực sự hiệu quả. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án: giảm ùn tắc giao thông; dự án thoát nước, chống ngập; giảm ô nhiễm môi trường; xây dựng trường học và di dời nhà ở ven kênh rạch.

Giao Sở Tài chính chủ trì: (1) Tham mưu triển khai các nội dung trọng tâm của Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030, đánh giá hiệu quả đầu tư, hạch toán kinh tế - xã hội của từng dự án, nhất là dự án trọng điểm, dự án có vốn lớn, dự án chậm tiến độ; tham mưu kế hoạch đầu tư công trung hạn theo nguyên tắc bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; (2) phối hợp Sở Tư pháp, các sở quản lý chuyên ngành và cơ quan liên quan rà soát quy định pháp luật, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tham mưu cơ chế phân cấp, ủy quyền cho các sở quản lý chuyên ngành thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công theo lĩnh vực phụ trách; bảo đảm đúng quy định, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ, giải ngân các dự án đã bố trí vốn: tập trung xử lý ngay các vướng mắc về thủ tục, thanh toán; không để tồn đọng hồ sơ, bảo đảm dòng vốn được giải ngân kịp thời. Hoàn thành kế hoạch giải ngân theo từng quý.

a) Giao các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trực tiếp về tiến độ, chất lượng giải ngân; Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực II phối hợp chặt chẽ, bảo đảm thực hiện thanh toán nhanh chóng, đúng quy định.

b) Giao Sở Nội vụ chủ trì kiểm tra công vụ đối với các Sở: Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Nông nghiệp và Môi trường trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ các dự án đầu tư công do các chủ đầu tư trình; xác định nguyên nhân chậm trễ trong xử lý hồ sơ làm ảnh hưởng tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Thời gian kiểm tra thực hiện trong tháng 5 năm 2026, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả

thực hiện **chậm nhất ngày 10 tháng 6 năm 2026**. Đồng thời, theo dõi định kỳ hàng quý tiến độ giải ngân của các đơn vị làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu theo quy định.

2.3. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; khẩn trương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức chi trả kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định. Đối với các trường hợp đã được bồi thường, hỗ trợ đầy đủ theo đúng quy định nhưng không chấp hành, kiên quyết thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật. Việc tổ chức thực hiện phải đồng bộ, chặt chẽ, không để kéo dài, hạn chế phát sinh khiếu nại, khiếu kiện.

a) Giao Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức các thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng, phê duyệt chính sách, chi trả, vận động, bàn giao và thu hồi mặt bằng; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về tiến độ triển khai trên địa bàn.

b) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, tháo gỡ các vướng mắc về chính sách đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các địa phương; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả Ủy ban nhân dân Thành phố về tiến độ triển khai của các địa phương.

2.4. Điều hành vốn linh hoạt: Giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi sát tiến độ, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ dự án chậm sang dự án có khả năng triển khai tốt, sử dụng hiệu quả; phân bổ vốn đầu tư công phù hợp với khả năng hấp thụ, phải dựa trên kết quả giải ngân và năng lực thực tế của các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm lãng phí và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

2.5. Tổ chức rà soát toàn diện, thực hiện công tác quản lý đầu tư, xây dựng, mua sắm, bảo đảm chặt chẽ từ khâu khảo sát, lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (đầu tư công, đầu tư tư), tổng mức đầu tư, thiết kế, dự toán, đến khâu đấu thầu, xây dựng công trình, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo đảm hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn, tuân thủ quy định của pháp luật.

a) Giao Thủ trưởng các Sở ngành, đơn vị, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực hiện công tác đấu thầu thuộc phạm vi quản lý, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không làm phát sinh cơ chế “xin - cho”, gán trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện công tác đấu thầu trong phạm vi phụ trách; thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn bộ quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

b) Giao Thanh tra Thành phố thường xuyên rà soát, nắm bắt các thông tin, phản ánh, kiến nghị trong đấu thầu để có biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý ngay các hành vi vi phạm, trục lợi, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành các sai phạm lớn. Kiên quyết có biện pháp xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, dàn xếp, thông thầu, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong hoạt động đấu thầu, bảo đảm “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”.

3. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt từ 10% trở lên. Tập trung các giải pháp đột phá, tạo chuyển biến rõ nét: (1) tăng tốc giải ngân đầu tư công, nhất là các dự án trọng điểm; (2) hoàn tất bồi thường, giải phóng mặt bằng và đẩy nhanh thi công các dự án đã khởi công dịp 15/01 và 30/4, bảo đảm tiến độ, sớm đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả; (3) cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tháo gỡ nhanh thủ tục, khơi thông dòng vốn, huy động tối đa nguồn lực đầu tư trong xã hội; (4) kích cầu tiêu dùng nội địa, phát triển thị trường trong nước; (5) hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và mở rộng sản xuất; (6) đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động mở rộng thị trường; (7) xây dựng phương án bảo đảm nguồn cung ứng năng lượng an toàn, ổn định, liên tục cho Thành phố giai đoạn 2026 - 2030; (8) rà soát, xử lý triệt để các dự án tồn đọng, nhà đất công để đưa vào khai thác; (9) thực hiện tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị của doanh nghiệp nhà nước, sớm triển khai giao chỉ tiêu để doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện tăng trưởng hàng năm và trung hạn.

a) Giao Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan khẩn trương cập nhật, tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch tăng trưởng 02 con số năm 2026³ (**hoàn thành trong tháng 5 năm 2026**) và Đề án các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 02 con số giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm phù hợp tình hình mới, chỉ đạo mới của Trung ương; trong đó xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính.

b) Giao các sở, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu khẩn trương ban hành Kế hoạch tăng trưởng 2 con số hoặc rà soát, cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch (đối với đơn vị đã ban hành); tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu và tiến độ đề ra.

³Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Chuẩn bị và khởi công các dự án trọng điểm nhân dịp 50 năm Thành phố mang tên Bác

Tập trung hoàn tất thủ tục, bảo đảm điều kiện khởi công các dự án trọng điểm chào mừng kỷ niệm 50 năm Thành phố mang tên Bác, gồm: (1) cao tốc đô thị Hồ Tràm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành; (2) Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; (3) Cầu hầm vượt biển Cần Giờ - Vũng Tàu; (4) dự án Công viên văn hóa Bến Nhà Rồng - Khánh Hội; (5) dự án cầu đường Bình Tiên; (6) tuyến liên cảng Cát Lái - Phú Hữu; (7) dự án cầu Thủ Thiêm 4; (8) dự án cải thiện môi trường nước khu vực Bình Dương; (9) các dự án nhà ở xã hội, chỉnh trang đô thị và hạ tầng khoa học công nghệ.

a) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan rà soát, lập danh mục các dự án trọng điểm dự kiến khởi công dịp kỷ niệm 50 năm Thành phố chính thức vinh dự mang tên Bác; xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng dự án, bảo đảm đầy đủ điều kiện và **tổ chức khởi công trước ngày 02 tháng 7 năm 2026.**

b) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất danh mục 02 - 03 dự án về nhà ở xã hội, chỉnh trang đô thị, chỉnh trang kênh rạch có đủ điều kiện khởi công, công bố hoặc hoàn tất thủ tục quan trọng trong tháng 6 năm 2026.

c). Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp và các đơn vị liên quan đề xuất danh mục 02 - 03 dự án về hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, năng lượng tại khu công nghệ cao, khu đô thị khoa học công nghệ Bắc Thành phố và các khu công nghiệp, khu chế xuất, bảo đảm có thể khởi công, công bố hoặc hoàn tất thủ tục quan trọng **trong tháng 6 năm 2026.**

5. Tháo gỡ vướng mắc dự án và quản lý đầu tư

5.1. Tập trung hoàn tất công tác rà soát, thanh tra; đề xuất phương án tháo gỡ đối với các dự án, khu đất khó khăn, vướng mắc, tồn đọng theo Kết luận số 24-KL/TW ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội; xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Thanh tra Thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, **hoàn thành trong tháng 6 năm 2026.**

5.2. Xử lý dứt điểm tình trạng chậm trễ trong thẩm định, phê duyệt giá đất và

nộp tiền sử dụng đất; quy định rõ thời hạn từng khâu, không để kéo dài, tồn đọng hồ sơ; sau khi phê duyệt giá đất, yêu cầu nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời hạn, tránh thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.

a) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương phối hợp các sở, ngành tổ chức đẩy nhanh tiến độ thẩm định giá đất đối với dự án vướng mắc và dự án phát sinh mới, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu xảy ra tình trạng tồn đọng hồ sơ.

b) Giao Sở Tài chính chủ trì với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng khẩn trương tham mưu đề xuất hướng giải quyết đối với các dự án vướng mắc tồn đọng; tổ chức cập nhật đầy đủ các thông tin dự án vướng mắc trên hệ thống của Bộ Tài chính; thường xuyên đề xuất tổ chức họp hội đồng thẩm định giá đất để thông qua việc thẩm định và trình phê duyệt giá đất, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu xảy ra tình trạng tồn đọng hồ sơ.

5.3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, bảo đảm tiến độ và chất lượng xử lý hồ sơ. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân để xảy ra chậm trễ trong công tác thẩm định, phê duyệt giá đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra công vụ định kỳ và đột xuất; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm, đề xuất xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp vi phạm.

5.4. Tổ chức rà soát các dự án BT đã, đang và dự kiến triển khai, chỉ quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt các dự án thật sự cần thiết, cấp bách, có hiệu quả kinh tế - xã hội, phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không đề xuất triển khai dự án BT đối với các công trình có thể thực hiện bằng hình thức đầu tư khác (như áp dụng loại hợp đồng BOT, BLT hoặc có thể bố trí vốn đầu tư công hoặc thu hút nguồn vốn tư nhân thông qua dự án đầu tư kinh doanh). Trường hợp sử dụng quỹ đất để thanh toán, phải xác định rõ vị trí, diện tích, sự phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giá trị dự kiến của quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư khi lập dự án theo đúng quy định của pháp luật, hiệu quả, tính khả thi, tránh nguy cơ dẫn đến phát sinh lãi vay chậm thanh toán và các vướng mắc, tranh chấp khác khi thanh toán cho nhà đầu tư.

a) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai, rà soát, tham mưu thực hiện các nội dung nêu trên bảo đảm

đúng quy định pháp luật, hiệu quả và khả thi trong quá trình thực hiện.

b) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư và công tác thẩm định giá đất để xác định tiền sử dụng đất trong các dự án BT, bảo đảm đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện.

5.5. Rà soát, đề xuất công bố danh mục dự án PPP; ưu tiên dự án cấp bách, khả thi, có thể triển khai ngay. Đánh giá chặt chẽ hiệu quả trước khi thực hiện; xây dựng danh mục dự án trọng điểm, chiến lược để kêu gọi đầu tư.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan đề xuất danh mục và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo.

5.6. Kiểm soát chặt chẽ tổng mức đầu tư, bảo đảm phù hợp suất vốn theo đúng quy định; ngăn chặn tình trạng đội vốn, thất thoát, lãng phí trong công tác thẩm định đối với các dự án đầu tư công và PPP.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định chặt chẽ tổng mức đầu tư, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định; kiểm soát chặt việc điều chỉnh, không để phát sinh vượt tổng mức đầu tư; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thẩm định.

5.7. Khẩn trương hoàn thiện phương án sắp xếp, xử lý, sử dụng tài sản công, trụ sở dôi dư; bảo đảm tiến độ **hoàn thành trong Quý II năm 2026**.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch tổng thể Thành phố; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành và trình Quốc hội **trong tháng 10 năm 2026**.

Giao Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ.

7. Về thực hiện các Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương giai đoạn 2015 - 2025

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục tồn tại tại các cơ quan, đơn vị; khẩn trương rà soát, khắc phục dứt điểm các nội dung còn tồn tại theo các Thông báo kết

luyện kiểm tra, giám sát; bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Rà soát, phân loại các nội dung chưa hoàn thành; xây dựng kế hoạch xử lý cụ thể, lộ trình rõ ràng; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện.

a) Giao các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, xử lý dứt điểm các nội dung còn tồn tại theo các Thông báo kết luận kiểm tra, giám sát theo lĩnh vực phụ trách.

b) Giao Thanh tra Thành phố chủ trì rà soát, xử lý dứt điểm các nội dung theo kết luận kiểm tra, giám sát; đề xuất biện pháp khắc phục, xử lý trách nhiệm theo đúng quy định.

8. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

Triển khai đồng bộ 08 Nghị quyết ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh; tổ chức thực hiện ngay khi có hiệu lực, bảo đảm thống nhất trên toàn Thành phố:

- Thực hiện công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, bảo đảm 100% TTHC được công bố, công khai đầy đủ, đúng hạn và 100% các hồ sơ TTHC được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Rà soát danh mục TTHC có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý; đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh đảm bảo cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC, 50% chi phí tuân thủ TTHC so với năm 2024 và cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết theo quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, hoàn thành trước ngày 01 tháng 6 năm 2026.

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết hồ sơ TTHC, đảm bảo tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 98% trở lên trong từng lĩnh vực, riêng lĩnh vực xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo tỷ lệ đạt 95% trở lên. Thực hiện xin lỗi người dân về tình trạng hồ sơ trễ hẹn.

- Thực hiện số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ, cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC đảm bảo tỷ lệ 100%; Thay thế các loại giấy tờ là thành phần hồ sơ TTHC bằng các thông tin tương ứng được khai thác từ các cơ sở dữ liệu, không được yêu cầu người dân, tổ chức, doanh nghiệp nộp bản sao, giấy tờ khi đã khai thác đầy đủ, chính

xác các thông tin trên cơ sở dữ liệu. Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa đảm bảo tỷ lệ 55%.

- Tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc thực hiện xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đảm bảo hoàn thành 100%. Phần đầu mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC đạt 96% trở lên. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng và đầu tư đạt trên 92%.

- Nâng cao năng lực thực thi: tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức trực tiếp xử lý hồ sơ; chuẩn bị đầy đủ điều kiện về nhân lực, hệ thống để đáp ứng yêu cầu mới.

a) Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì theo dõi, đôn đốc việc công bố, công khai thủ tục hành chính; theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Đồng thời, chủ trì phối hợp rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tham mưu phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

b). Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố phối hợp các bộ, ngành, Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai, vận hành hệ thống; đề xuất hoàn thiện các chức năng phục vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hành chính; đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ, công chức sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng điều phối, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả.

c) Giao các sở, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu tổ chức công khai, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, đúng hạn; thực hiện xin lỗi đối với hồ sơ trễ hẹn; chủ động rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện.

9. Đánh giá, sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp

- Tổ chức rà soát, đánh giá, sơ kết 01 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã; tiếp tục phân công, điều động cán bộ cho cơ sở theo tinh thần năm 2026 là **“năm nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở”**.

- Khẩn trương hoàn thành sắp xếp khu phố, ấp, tổ dân phố theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương; **hoàn thành trước ngày 20 tháng 5 năm 2026**.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện đúng tiến độ; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Hoàn thiện thể chế, cơ chế đặc thù và các đề án quan trọng

10.1. Khẩn trương hoàn thiện, trình ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 31-NQ/TW, tạo cơ chế, chính sách vượt trội cho Thành phố, làm cơ sở xây dựng Luật Đô thị đặc biệt; hoàn thiện dự án Luật bảo đảm chất lượng, tính khả thi, trình Quốc hội **trong tháng 10 năm 2026 (điều kiện thuận lợi, phấn đấu trình trong tháng 7 năm 2026)** và chủ động chuẩn bị các điều kiện triển khai sau khi được ban hành.

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu triển khai các nội dung nêu trên, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

10.2. Khẩn trương hoàn thiện, ban hành và triển khai các đề án, chính sách trọng tâm, tập trung vào: (1) Đề án chuyển đổi xanh, (2) Đề án đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, (3) Đề án thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số; bảo đảm chất lượng, tính khả thi và đúng tiến độ.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ và các đơn vị hoàn thành các đề án trên trình phê duyệt trong tháng 5 năm 2026.

11. Về thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

11.1. Đẩy mạnh các giải pháp giảm ùn tắc giao thông, tổ chức lại giao thông, phát triển vận tải hành khách công cộng, thực hiện chính sách miễn phí xe buýt để giảm phương tiện cá nhân; xử lý các điểm ngập trọng điểm, hoàn thiện hệ thống thoát nước, kiểm soát triều; khẩn trương rà soát, xây dựng lộ trình di dời nhà trên và ven kênh rạch, điều chỉnh chỉ tiêu di dời từ 20.000 lên 40.000 căn, gắn với chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường.

a) Giao Sở Xây dựng chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp giảm ùn tắc giao thông, chống ngập và di dời nhà trên, ven kênh rạch.

b) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, nghiên cứu tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn Thành phố; trong đó có các dự án trọng tâm, trọng điểm, bức xúc.

11.2. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường; quản lý chặt chẽ chất thải rắn, nước thải, khí thải; đẩy mạnh phân loại, thu gom, xử lý rác thải theo công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, giảm tỷ lệ chôn lấp; kiểm soát các nguồn phát thải, xử lý dứt điểm các điểm ô nhiễm, tồn đọng. Đồng thời, đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư

các dự án nhà máy xử lý rác theo công nghệ đốt rác phát điện, tái chế và các hình thức đầu tư phù hợp, bảo đảm đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn của Thành phố.

a) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm; tổ chức thu gom, xử lý rác thải, nước thải, khí thải; tham mưu kêu gọi, lựa chọn nhà đầu tư các dự án nhà máy xử lý rác và tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

b) Giao các sở, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phối hợp triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

11.6. Triển khai quyết liệt các giải pháp xây dựng “Thành phố không ma túy”: quản lý chặt địa bàn, đối tượng; rà soát, lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy; tổ chức cai nghiện, quản lý sau cai; tăng cường đấu tranh, triệt xóa các điểm, tụ điểm, đường dây mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy; đẩy mạnh tuyên truyền, phòng ngừa từ cơ sở, không để phát sinh mới. Phần đầu xây dựng địa bàn không có tệ nạn ma túy, không phát sinh điểm, tụ điểm phức tạp.

a) Giao Công an Thành phố chủ trì triển khai, xây dựng tiêu chí, hướng dẫn và tổ chức thực hiện mô hình “xã, phường, đặc khu không ma túy”; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả.

b) Giao các sở, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phối hợp quản lý địa bàn, tổ chức cai nghiện, quản lý sau cai, tuyên truyền phòng ngừa; chịu trách nhiệm nếu để phát sinh phức tạp về ma túy trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu tập trung thực hiện tốt, hiệu quả các nội dung trên và phổ biến sâu rộng Chỉ thị này đến từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2026

CHỈ THỊ

**Về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu
phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030)
theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh
lần thứ I (2025 - 2030)**

Thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới” và Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết số 489/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, nghĩa tình, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (2025 - 2030), thi đua lập thành tích hướng tới chào mừng 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2030), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị:

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu, các cơ quan, đơn vị, Tổng công ty, công ty thuộc Thành phố:

1.1. Tiếp tục quán triệt, triển khai, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt các chủ

trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; quán triệt sâu sắc tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới” và Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới tại Thành phố Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong nhận thức, tư tưởng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, làm cho thi đua thực sự trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm và thường xuyên của mỗi ngành, mỗi đơn vị, cá nhân, tạo thành cao trào hành động cách mạng, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự hào dân tộc, tạo động lực góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (2025 - 2030) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

1.2. Tổ chức phong trào thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, mục tiêu phát triển của Thành phố và chủ đề thi đua **“Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, thi đua xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tiên phong, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới”** được phát động tại Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (giai đoạn 2025 - 2030). Tập trung cụ thể hóa và thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm 2026 - 2030 bao gồm: 06 nhóm chỉ tiêu về kinh tế, 09 nhóm chỉ tiêu về xã hội, 05 nhóm chỉ tiêu về đô thị và môi trường, 04 nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030. Triển khai các chương trình trọng điểm, đột phá nhiệm kỳ 2026 - 2030 gồm: 03 nội dung về chính sách, thể chế; 08 nội dung về phát triển hạ tầng; 09 nội dung về phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (2025 - 2030).

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước do Thủ tướng Chính phủ phát động¹, phong trào thi đua thực hiện chỉ tiêu kinh tế - xã hội hằng năm và các phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành

¹Phong trào thi đua “Cả nước chung sức phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu tăng trưởng bền vững 2 con số”; Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”; Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số”; Phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyên đổi số, chuyên đổi xanh”; Phong trào thi đua “Phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Phong trào thi đua “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời” và “Bình dân học vụ”.

phổ tổ chức phát động². Thi đua vận hành hiệu quả hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; thi đua xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế; thi đua đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; thi đua phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thi đua xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, văn minh, hiện đại, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn; thi đua xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, liêm chính, hiện đại; thi đua nâng cao hiệu quả quản trị đô thị thông minh, hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; thi đua phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả; nâng cao chất lượng doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc tế; thi đua phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; thi đua củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội...

Đổi mới nội dung, phương thức tổ chức các phong trào thi đua, với hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị được giao, tập trung thi đua thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm của Thành phố, gắn thi đua với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu để đánh giá hiệu quả phong trào thi đua.

1.3. Thường xuyên quan tâm phát hiện, bồi dưỡng các nhân tố, điển hình mới, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; khuyến khích, tạo điều kiện để các điển hình tiên tiến tiếp tục phát huy, lan tỏa, nêu gương người tốt, việc tốt, tạo động lực thúc đẩy, cổ vũ các phong trào thi đua; bồi dưỡng, xây dựng các mô hình mới, nhân tố mới trong từng năm, giai đoạn, thực hiện từ cơ sở và đồng bộ tốt cả bốn khâu: phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân rộng điển hình tiên tiến. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc, có tác động tích cực, lan tỏa trong đời sống xã hội.

1.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, bảo đảm khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch, đúng quy định, quy trình và đúng người, đúng thành tích có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương, nhân rộng. Tăng cường khen thưởng

²Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, vì sự phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Thanh niên Thành phố khởi nghiệp - lập nghiệp, đổi mới sáng tạo”; Phong trào thi đua “Doanh nghiệp, doanh nhân đổi mới, sáng tạo cùng Thành phố phát triển”; Phong trào thi đua “Cải cách hành chính”; Phong trào thi đua “Xây dựng văn hóa giao thông an toàn, vì sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh”.

thông qua việc chủ động phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đột xuất. Quan tâm khen thưởng cơ sở, tập thể nhỏ, tập thể, cá nhân trực tiếp công tác, lao động, chiến đấu, thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, bí mật; cá nhân có nhiều đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, dũng cảm cứu người, cứu tài sản.

1.5. Nâng cao vai trò trách nhiệm của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của cụm, khối thi đua. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyên đổi số và cải cách thủ tục hành chính vào công tác thi đua, khen thưởng. Bố trí, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác thi đua, khen thưởng có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có kiến thức, kinh nghiệm, gắn bó với quần chúng và phong trào thi đua để nâng cao chất lượng tham mưu tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và Thành phố.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Nội vụ:

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thi đua của Chỉ thị; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố khi sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị này.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; tham mưu hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn Thành phố phù hợp với tình hình thực tiễn đặc thù của Thành phố theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phát động; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề theo Kế hoạch.

2.2. Sở Văn hóa - Thể thao chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền sâu rộng nội dung của Chỉ thị, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong tổ chức triển khai thực hiện. Tích cực đổi mới, đa dạng hóa phương thức để đẩy mạnh tuyên truyền tư tưởng về thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về thành quả của các

phong trào thi đua, gắn với phát hiện, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và các Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp tăng cường vận động, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua; đồng thời tăng cường công tác phản biện xã hội và tham gia giám sát việc thực hiện các phong trào thi đua góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố.

2.4. Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ thị gắn với các hoạt động kiểm tra, giám sát công tác quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các cụm, khối thi đua được phân công phụ trách và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố.

2.5. Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua thuộc Thành phố có các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cụm, khối thi đua; bổ sung các tiêu chí thi đua vào bảng điểm thi đua làm cơ sở bình xét, đánh giá thi đua cuối năm; tổ chức sinh hoạt chuyên đề về các nội dung liên quan để trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau giữa các đơn vị trong cụm, khối thi đua về triển khai thực hiện nội dung thi đua phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc điểm từng cụm, khối thi đua.

2.6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và thẩm quyền được giao khẩn trương tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả Chỉ thị này; thực hiện báo cáo khi sơ kết, tổng kết theo quy định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Thạnh

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>